

Số: **1594**/BKHCN-ƯDCN

Hà Nội, ngày **13** tháng **5** năm 2024

V/v góp ý dự thảo Thông tư Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở (Dự thảo Thông tư).

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ kính gửi Quý cơ quan dự thảo Thông tư để có ý kiến góp ý.

Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ tại mục “Lấy ý kiến về văn bản khoa học và công nghệ” (<http://www.most.gov.vn/vn/Pages/DanhSachDuThaoVanBan.aspx>).

Văn bản góp ý của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật), địa chỉ: số 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội **trước ngày 10/6/2024** để tổng hợp, hoàn thiện dự thảo (Thông tin chi tiết liên hệ chuyên viên Lương Đình Doanh, số điện thoại: 0915239808), bản mềm xin gửi vào địa chỉ Email: lddoanh@most.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở KH&CN các tỉnh, TP (để thực hiện);
- Vụ Pháp chế (để theo dõi);
- Lưu: VT, ƯDCN.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Hoàng Giang

DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG GỬI LẤY Ý KIẾN GÓP Ý
(Kèm theo Công văn số **1594** /BKHCN-ƯDCN ngày **13** tháng **5** năm 2024
của Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	DANH SÁCH CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
I	Danh sách 17 Bộ
1	Bộ Quốc phòng
2	Bộ Công an
3	Bộ Ngoại giao
4	Bộ Nội vụ
5	Bộ Tư pháp
6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7	Bộ Tài chính
8	Bộ Công thương
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Bộ Giao thông vận tải
11	Bộ Xây dựng
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường
13	Bộ Thông tin và Truyền thông
14	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
16	Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Bộ Y tế
II	Danh sách 04 cơ quan ngang Bộ
1	Ủy ban Dân tộc
2	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3	Thanh tra Chính phủ
4	Văn phòng Chính phủ
III	Danh sách Cơ quan thuộc Chính phủ
1	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam
IV	63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
V	63 Sở Khoa học và Công nghệ

Số: /2024/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước chỉ cho hoạt động KH&CN; các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn các tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương áp dụng quy định tại Thông tư này để triển khai thực hiện, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng nguồn kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước là: vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh bao gồm: Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh là: tập hợp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ;

b) Đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là: nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh là: nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng trên cơ sở yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực tiễn công tác quản lý nhà nước, phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm đề tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật (sau đây gọi là đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ), đề tài khoa học xã hội và nhân văn và đề tài trong các lĩnh vực khác.

d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là: nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh là: nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ phát triển một

sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước* là: nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ tại cơ sở do thủ trưởng cấp cơ sở phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở và dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

a) Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng trên cơ sở yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước và phát triển khoa học và công nghệ của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ phát triển sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có tác động nâng cao trình độ công nghệ của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

3. *Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh*: là những vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết do các cơ quan, tổ chức, cá nhân với cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét đặt hàng.

4. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh*: là việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa ra yêu cầu về mục tiêu, sản phẩm khoa học và công nghệ, kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ để các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện thông qua hợp đồng.

5. *Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ*: là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực tốt nhất thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 29 Luật Khoa học và Công nghệ.

6. *Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ*: là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ.

7. *Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*: cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Cấp huyện là Phòng được giao quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

8. *Hệ thống mạng công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước*: là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về nhiệm vụ khoa học công nghệ xây dựng và quản lý nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin và thực hiện tuyển chọn, giao trực tiếp qua mạng đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Hệ thống).

9. *Thủ trưởng cấp cơ sở* là Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh;

10. *Bộ phận tham mưu quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở* là phòng chuyên môn thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân huyện/quận/thành phố thuộc cấp tỉnh được giao chức năng, nhiệm vụ theo dõi, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ;

11. *Phương thức họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ trực tuyến* là phương thức họp thông qua giải pháp công nghệ hỗ trợ các thành viên Hội đồng và các đại biểu tham dự ở những địa điểm, vị trí địa lý khác nhau có thể thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng.

12. *Văn bản điện tử* là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Chương II **HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ** **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

Điều 4. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh: có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm lợi thế của địa phương trong giai đoạn 05 năm hoặc 10 năm. Nội dung chương trình bao gồm những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ ở địa phương. Kết quả của những nhiệm vụ khoa học và công nghệ thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

2. Đề án khoa học cấp tỉnh: kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương.

3. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Đề tài khoa học công nghệ : phải có tính khả thi, tính mới, không trùng lặp với các đề tài đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh, có địa chỉ ứng dụng. Sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến tạo ra có triển vọng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoặc được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện.

b) Đề tài khoa học xã hội và nhân văn: sản phẩm tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

4. Dự án sản xuất thử nghiệm: là nhiệm vụ ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án khoa học và công nghệ để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi áp dụng vào sản xuất và đời sống.

5. Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh: là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề ứng dụng, chuyển giao tiến Bộ Khoa học và Công nghệ; đổi mới công nghệ, cải tiến thiết bị, hoàn thiện quy trình, tạo sản phẩm mới; tạo lập khai thác phát triển tài sản trí tuệ... góp phần nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh gồm đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 5. Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Được ghi như sau: AA-CTKHNCNT.XX/YY, AA-ĐACT.XX/YY, AA-ĐTCNCT.XX/YY, AA-ĐTXHCT.XX/YY, AA-DASXTNCT.XX/YY, AA-DACNCT.XX/YY.

Trong đó:

1. AA: ký hiệu mã tỉnh quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.
2. CTKHNCNT: ký hiệu chung cho Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh.
3. ĐACT: ký hiệu chung cho đề án khoa học cấp tỉnh.
4. ĐTCNCT: ký hiệu chung cho đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh.
5. ĐTXHCT: ký hiệu chung cho đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh.
6. DASXTNCT: ký hiệu chung cho dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.
7. DACNCT: ký hiệu chung cho dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8. XX: nhóm 02 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ theo từng nhóm trong năm bắt đầu thực hiện.

9. YY: nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện.

Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ số thứ tự các nhiệm vụ là dấu chấm; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Điều 6. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Nghị quyết, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

b) Chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 05 năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, kế hoạch triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Khi có vấn đề đặc biệt quan trọng, khẩn cấp về an ninh, quốc phòng, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và những vấn đề phát sinh khác cần sự tham gia giải quyết của khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Có đủ căn cứ về tính cấp thiết và đáp ứng các tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 27 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

b) Có dự kiến phương án ứng dụng hoặc sử dụng kết quả tạo ra;

c) Có dự kiến về thời gian thực hiện phù hợp để bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

3. Trình tự đề xuất nhiệm vụ cấp tỉnh

a) Các Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xử lý.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ động hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh thông qua ý kiến tư

vấn của các chuyên gia.

c) Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh áp dụng theo các mẫu quy định tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCHN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BKHCHN).

Điều 7. Nội dung thể hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng

1. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng được thể hiện qua: “Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện”, phù hợp với từng loại nhiệm vụ quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Mục “Yêu cầu đối với kết quả” bao gồm dự kiến yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra và một số chỉ tiêu, thông số chính. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ, các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

a) Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: Các yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu;

b) Đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Các yêu cầu về tính mới, bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

c) Đối với đề tài khác: Các yêu cầu về tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác;

d) Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm;

đ) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình: Theo yêu cầu của các Chương trình tương ứng.

e) Đối với đề án khoa học: Các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác”.

Điều 8. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất đặt hàng, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tra cứu thông tin về sự trùng lặp của nhiệm vụ, tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ gồm: tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả theo từng lĩnh vực.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ theo lĩnh vực. Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các

thành viên là chuyên gia khoa học và công nghệ, cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu. Trường hợp đặc biệt Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên Hội đồng khác với quy định này.

3. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch (trong trường hợp chủ tịch vắng mặt), và 02 ủy viên phản biện. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá trung thực, khách quan, công bằng. Kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức bỏ phiếu.

4. Hội đồng tư vấn họp theo một trong các phương thức sau:

- a) Phương thức họp trực tiếp
- b) Phương thức họp trực tuyến;
- c) Phương thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

Trình tự làm việc của Hội đồng áp dụng theo Điều 12 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

Điều 9. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ và ý kiến góp ý của các Sở, ngành, chuyên gia độc lập (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, rà soát, tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: tên nhiệm vụ, mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định khi được phân cấp, ủy quyền.

Điều 10. Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ

1. Nguyên tắc chung:

a) Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc UBND tỉnh xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định tại Điều 29 Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

b) Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc UBND tỉnh quyết định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

c) Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (nếu có) và Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác;

d) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đánh giá thông qua Hội đồng tư

vấn tuyển chọn (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai trên Hệ thống, cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố và trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời gian 30 ngày để tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao trực tiếp khi đáp ứng một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

4. Yêu cầu đối với tổ chức đăng ký chủ trì

Các tổ chức có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức chủ trì thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp:

a) Chưa hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán và chưa hoàn trả kinh phí phải thu hồi (nếu có) đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố.

b) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở khác tại nơi đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

4. Yêu cầu đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có đủ khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ: đang làm chủ nhiệm từ 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước khác; có nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” do nguyên nhân chủ quan trong thời gian là 02 năm; có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 02 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch. Kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp được thông báo trên Hệ thống, cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố và trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Nộp hồ sơ và mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp áp dụng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN).

2. Nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: hồ sơ gồm 01 bộ, sử dụng phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, màu đen và 01 bản điện tử của hồ sơ (dạng PDF, không đặt mật khẩu) ghi trên USB. Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- Tên nhiệm vụ và tên, mã số (nếu có) của chương trình khoa học và công nghệ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp;

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ; tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ nhiệm nhiệm vụ;

- Danh mục tài liệu có trong hồ sơ;

b) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp phải nộp đúng hạn. Ngày nhận hồ sơ được tính: ngày, tháng theo dấu Bưu điện nơi gửi đi (đối với trường hợp gửi qua Bưu điện); xác nhận ngày, tháng của nơi nhận hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); ngày ghi nhận trên Hệ thống điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến).

c) Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc hoàn tất phải trước thời hạn nộp hồ sơ.

5. Mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ mở, kiểm tra và xác nhận tình trạng, số lượng, thành phần hồ sơ, kiểm tra các thông tin, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ.

b) Thành phần mở hồ sơ gồm: đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mở hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên Hệ thống, cổng thông tin điện tử của tỉnh/thành phố và Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Trường hợp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được nộp trực tuyến, khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Biên bản mở hồ sơ sẽ được trích xuất theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định có liên quan khác. Đối với các hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản cho các tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ.

Điều 12. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp và Tổ thẩm định nội dung và kinh phí.

1. Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp: có từ 07 đến 09 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành viên Hội đồng là chuyên gia, cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ (nếu có). Ủy viên phản biện là người có kinh nghiệm, chuyên môn sâu trong lĩnh vực nhiệm vụ được xem xét; các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp. Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng. Trường hợp đặc biệt Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên Hội đồng khác với quy định này.

2. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch (trong trường hợp chủ tịch vắng mặt), và 02 ủy viên phản biện. Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá trung thực, khách quan, công bằng.

Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng áp dụng theo Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

3. Tổ thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm 05 thành viên: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ; 01 thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các thành viên thuộc bộ phận quản lý tài chính, phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định áp dụng theo Điều 14 Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN.

Điều 13. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định nội dung

và kinh phí, tổ chức và cá nhân được tuyển chọn, giao trực tiếp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (hồ sơ gồm: Thuyết minh nhiệm vụ, dự toán kinh phí chi tiết, các tài liệu khác có liên quan, bản giải trình sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của Tổ thẩm định). Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, rà soát, tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp gồm: tên nhiệm vụ, tên tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả phê duyệt cho tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp và công khai trên Hệ thống, cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố và trang thông tin của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và ký hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ".

Điều 15. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá gồm: đại diện lãnh đạo Sở, đại diện các phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo áp dụng theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN); hồ sơ, tài liệu và các điều kiện phục vụ việc kiểm tra, đánh giá.

4. Kết quả kiểm tra, đánh giá được lập thành biên bản theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trình tự kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Điều 16. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Điều chỉnh tên, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ

a) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: không được điều chỉnh.

b) Nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán từng phần: tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đề xuất bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định khi được phân cấp, ủy quyền, trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến của chuyên gia trước khi quyết định.

2. Điều chỉnh nội dung và kinh phí

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán từng phần: Theo yêu cầu công việc thực tế, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đề xuất bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định khi được phân cấp, ủy quyền, trường hợp cần thiết tham khảo ý kiến của chuyên gia trước khi quyết định.

3. Điều chỉnh thời gian

a) Khi cần gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được điều chỉnh 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định khác với quy định này.

b) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

4. Trình tự, thủ tục điều chỉnh

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Công văn đề nghị của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ; biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (nếu có); ý kiến chuyên gia, biên bản họp hội đồng tư vấn (nếu có); văn bản đồng ý điều chỉnh của Cơ quan đề xuất đặt hàng trong trường hợp thay đổi tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ; tài liệu khác có liên quan;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản điều chỉnh. Trường hợp không đồng ý điều chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có công văn nêu rõ lý do gửi tổ chức chủ trì.

c) Văn bản điều chỉnh thực hiện theo điểm d khoản 1 điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

5. Thay đổi tổ chức chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thay đổi tổ chức chủ trì khi được phân cấp, ủy quyền. Tổ chức chủ trì mới phải đáp ứng quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Việc chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại các Điều 21, Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 18. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng, tổ chức chủ trì có trách nhiệm tự đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Hồ sơ gồm:

- a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu;
- b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ;
- d) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có);
- đ) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ;
- e) Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ;
- g) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ;
- h) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- i) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc trực tuyến qua Hệ thống hoặc gửi qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị quản lý nhiệm vụ. Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời hạn 15 ngày, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả (trong trường hợp cần thiết) thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

3. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ có từ 07 đến 09 thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên là chuyên gia, cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan; đại diện

đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Ưu tiên mời thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ. Hội đồng cử 01 thành viên làm thư ký khoa học. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng. Trường hợp đặc biệt Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên Hội đồng khác với quy định này.

4. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ được thành lập trong trường hợp nhiệm vụ có sản phẩm đo kiểm được. Thành phần có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

Tổ chuyên gia có trách nhiệm đánh giá, nghiệm thu các mô hình, sản phẩm đo kiểm được.

5. Hội đồng có thể họp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên, trong đó có chủ tịch hoặc phó chủ tịch và có ít nhất 01 ủy viên phản biện có mặt, đồng thời phải có đủ 02 bản nhận xét của 02 ủy viên phản biện tại phiên họp Hội đồng.

6. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên $\frac{3}{4}$ số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí biểu quyết. Thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá nghiệm thu bằng phiếu đánh giá.

7. Xếp loại đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được đánh giá theo 03 mức:

Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có $\frac{3}{4}$ số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá mức “Không đạt”;

Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ có nhiều hơn $\frac{1}{3}$ số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”;

Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc hai trường hợp trên.

8. Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng nghiệm thu thực hiện theo quy định tại Phụ lục 07 của Thông tư này.

Điều 19. Đăng ký lưu giữ, công nhận kết quả

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ tại Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành. Sở Khoa học và Công nghệ thu thập, xử lý thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhật

vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và Hệ thống theo quy định.

2. Công nhận kết quả: chậm nhất 15 ngày sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu giữ kết quả nhiệm vụ, tổ chức chủ trì chuẩn bị hồ sơ bao gồm:

- a) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;
- b) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kết quả.

3. Cách thức nộp hồ sơ: hồ sơ được nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Chậm nhất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thanh lý Hợp đồng.

6. Sử dụng, khai thác thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký lưu giữ theo quy định hiện hành.

7. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

8. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức bàn giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho đơn vị được giao tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu. Đơn vị nhận bàn giao chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phối hợp với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ ứng dụng, nhân rộng kết quả vào sản xuất và đời sống, báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Tài sản thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt hợp đồng, dừng thực hiện, tổ chức chủ trì có trách nhiệm kiểm kê, lập phương án xử lý bằng văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Chương III

HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ THUỘC QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 21. Yêu cầu, mã số đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước (gọi tắt là cơ quan, đơn vị) phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bao gồm: đề tài khoa học và công nghệ và dự án khoa học và công nghệ.

2. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được ghi như sau: AA-ĐTCS.XX/YY; AA-DACS.XX/YY. Trong đó:

- a) AA: ký hiệu mã tỉnh quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này.
- b) ĐTCS: ký hiệu chung cho đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
- c) DACS: ký hiệu chung cho dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
- d) XX: nhóm 02 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ theo từng nhóm trong năm bắt đầu thực hiện.
- đ) YY: nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện.

Điều 22. Yêu cầu đối với Tổ chức, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Các tổ chức có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký thực hiện:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ xét chọn, chưa hoàn thành thủ tục thanh toán, quyết toán, giao nộp, lưu giữ kết quả; chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi (nếu có) theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn.

b) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp tại nơi đăng ký thực hiện trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Yêu cầu đối với cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ:

- a) Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn phù hợp với nội dung nhiệm vụ

vụ khoa học và công nghệ; có đủ khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện làm chủ nhiệm nhiệm vụ: đang làm chủ nhiệm 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước khác; có nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” do nguyên nhân chủ quan trong thời gian là 02 năm; có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 02 năm kể từ khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc xét chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch. Kết quả xét chọn, giao trực tiếp phải được công bố tại cơ quan, đơn vị.

Điều 23. Đề xuất nhiệm vụ, xét giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ:

a) Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ của các cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước.

b) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Hồ sơ đăng ký xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở, bao gồm:

a) Thuyết minh nhiệm vụ được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ thuyết minh từ 13-14, cỡ chữ dự toán kinh phí từ 10-12;

b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì;

d) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ;

đ) Văn bản phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

e) Báo giá máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

2. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này, các tổ chức, cá nhân đề xuất và hoàn thiện hồ sơ đăng ký xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ gửi cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện.

Điều 24. Hội đồng tư vấn xét giao trực tiếp và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng xét giao trực tiếp và thẩm định kinh phí:

a) Trong thời gian 30 ngày sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ

quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước quyết định thành lập Hội đồng xét giao trực tiếp và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (Hội đồng).

b) Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, bao gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các thành viên. Thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo và cán bộ quản lý tài chính cơ quan, đơn vị; chuyên gia các ngành, lĩnh vực liên quan. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì, tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng.

c) Hội đồng họp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để đánh giá hồ sơ thuyết minh và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

Điều 25. Phê duyệt kết quả giao trực tiếp và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng, tổ chức và cá nhân được giao trực tiếp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan, đơn vị. Hồ sơ gồm: Thuyết minh nhiệm vụ, dự toán kinh phí chi tiết, các tài liệu khác có liên quan, bản giải trình sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định phê duyệt kết quả xét giao trực tiếp và thông báo cho tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 26. Ký hợp đồng, kiểm tra đánh giá, nghiệm thu, đăng ký lưu giữ, công nhận, bàn giao kết quả, xử lý tài sản nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ và ký hợp đồng với tổ chức chủ trì.

2. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng, dừng triển khai thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập đoàn kiểm tra; quyết định điều chỉnh với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Trong thời gian 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về cơ quan, đơn vị bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu bao gồm: Văn bản đề nghị đánh giá nghiệm thu; Báo cáo tổng hợp kết quả; các sản phẩm theo yêu cầu của hợp đồng.

b) Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Hội đồng có 05 đến 07 thành viên gồm: chủ tịch, phó chủ tịch, 01 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên là chuyên gia hoặc cán bộ quản lý thuộc các ngành, lĩnh vực liên quan, đơn vị dự kiến thụ hưởng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ưu tiên mời thành viên đã tham gia Hội đồng xét giao trực tiếp nhiệm vụ. Trường hợp khác do thủ

trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

c) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 4/5 thành viên (đối với Hội đồng có 05 thành viên), có ít nhất 2/3 thành viên (đối với Hội đồng có từ 07 thành viên trở lên), trong đó có chủ tịch, uỷ viên phản biện.

d) Hội đồng họp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả

Việc đăng ký, lưu giữ, công nhận kết quả nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Cơ quan, đơn vị tổ chức bàn giao kết quả đã nghiệm thu cho đơn vị được giao tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu, báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Quản lý, xử lý tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tài sản được trang bị và hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được xử lý áp dụng Khoản 1 Điều 19 của Thông tư này.

b) Tài sản thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt hợp đồng, dừng thực hiện, tổ chức chủ trì kiểm kê, đề xuất phương án xử lý bằng văn bản gửi cơ quan, đơn vị xử lý theo quy định hiện hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Căn cứ Thông tư này, theo thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc sửa đổi bổ sung quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

2. Bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trong kế hoạch 05 năm và hàng năm.

3. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, xã hội hóa để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở; ứng dụng, nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc sửa đổi bổ sung quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

Tổ chức quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí và giao dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở (theo điều kiện thực tế của địa phương) và huy động các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định.

3. Đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin, lựa chọn và giới thiệu các tổ chức, cá nhân có khả năng phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng các kết quả, sản phẩm nghiên cứu vào thực tế tại địa phương.

4. Xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định hiện hành.

5. Thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở theo quy định.

6. Hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan, đơn vị được giao dự toán ngân sách nhà nước.

1. Phê duyệt kế hoạch và dự toán ngân sách để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Phê duyệt kết quả xét giao trực tiếp, thuyết minh nhiệm vụ, dự toán kinh phí; ký hợp đồng, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn.

3. Chịu trách nhiệm tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khi được cấp có thẩm quyền giao. Tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

4. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 30. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Lựa chọn cá nhân có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Thông tư này để làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh), với cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở); ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

5. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý nhiệm vụ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện chế độ báo cáo với cơ quan quản lý nhiệm vụ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh trong thực hiện mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

7. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật (nếu có).

8. Thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

9. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức chủ trì có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem xét khen thưởng.

Điều 31. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh, dự toán kinh phí của nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị các điều

chính khi cần thiết.

3. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác.

5. Được quyền khiếu nại lên các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao.

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ có nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xem xét khen thưởng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp huyện căn cứ vào các quy định tại Thông tư này để ban hành văn bản quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, UDCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Giang

Phụ lục 1
KÝ HIỆU MÃ TỈNH, THÀNH PHỐ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHCN
ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Tỉnh/ Thành phố	Mã địa phương	STT	Tỉnh/ Thành phố	Mã địa phương
1	An Giang	H01	33	Kiên Giang	H33
2	Bắc Giang	H02	34	Kon Tum	H34
3	Bắc Kạn	H03	35	Lai Châu	H35
4	Bạc Liêu	H04	36	Lâm Đồng	H36
5	Bắc Ninh	H05	37	Lạng Sơn	H37
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	H06	38	Lào Cai	H38
7	Bến Tre	H07	39	Long An	H39
8	Bình Định	H08	40	Nam Định	H40
9	Bình Dương	H09	41	Nghệ An	H41
10	Bình Phước	H10	42	Ninh Bình	H42
11	Bình Thuận	H11	43	Ninh Thuận	H43
12	Cà Mau	H12	44	Phú Thọ	H44
13	TP. Cần Thơ	H13	45	Phú Yên	H45
14	Cao Bằng	H14	46	Quảng Bình	H46
15	Đắk Lắk	H15	47	Quảng Nam	H47
16	Đắk Nông	H16	48	Quảng Ngãi	H48
17	TP. Đà Nẵng	H17	49	Quảng Ninh	H49
18	Điện Biên	H18	50	Quảng Trị	H50
19	Đồng Nai	H19	51	Sóc Trăng	H51
20	Đồng Tháp	H20	52	Sơn La	H52
21	Gia Lai	H21	53	Tây Ninh	H53
22	Hà Giang	H22	54	Thái Bình	H54
23	Hải Dương	H23	55	Thái Nguyên	H55
24	TP. Hải Phòng	H24	56	Thanh Hóa	H56
25	Hà Nam	H25	57	Thừa Thiên Huế	H57
26	TP. Hà Nội	H26	58	Tiền Giang	H58
27	Hà Tĩnh	H27	59	Trà Vinh	H59
28	Hòa Bình	H28	60	Tuyên Quang	H60
29	TP. Hồ Chí Minh	H29	61	Vĩnh Long	H61
30	Hậu Giang	H30	62	Vĩnh Phúc	H62
31	Hung Yên	H31	63	Yên Bái	H63
32	Khánh Hòa	H32			

PHỤ LỤC 2**Biên bản mở hồ sơ****ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....

2. Địa điểm và thời gian

....., ngày/...../20...

3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

<i>TT</i>	<i>Tên cơ quan, tổ chức</i>	<i>Họ và tên đại biểu</i>

4. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN: hồ sơ.
- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ: / (tổng số hồ sơ đăng ký).
- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

<i>TT</i>	<i>Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp</i>	<i>Tình trạng Hồ sơ</i>							
		<i>Nộp đúng hạn¹</i>	<i>Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký²</i>	<i>Tổ chức có con dấu, tài khoản</i>	<i>Có nhiệm vụ cấp tỉnh⁴</i>				
					<i>Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu)³</i>	<i>Nợ thu hồi nhiệm vụ KH&CN⁵</i>	<i>Bị đình chỉ do sai phạm</i>	<i>Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu muộn</i>	<i>Không đăng ký, nộp lưu giữ kết quả thực hiện theo quy định</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>	<i>(10)</i>

Kết luận: Như vậy, trong số hồ sơ đăng ký, có hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

<i>TT</i>	<i>Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN¹</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1		
2		
....		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vàoh.....phút, ngày/...../20....

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Họ, tên và chữ ký)

THÀNH VIÊN THAM GIA MỞ HỒ SƠ
(Họ, tên và chữ ký)

¹ Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;

² Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều ... của Thông tư;

^{3,5} Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;

⁴ Nhiệm vụ cấp tỉnh gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN; đề tài, dự án do các Quỹ KH&CN tỉnh/thành phố tài trợ hoặc cho vay, bảo lãnh vay vốn và các nhiệm vụ khác theo quy định.

PHỤ LỤC 3
Biên bản kiểm tra, đánh giá

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tên nhiệm vụ:

Số Hợp đồng

Thuộc Chương trình (nếu có):

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm:

Ngày tháng kiểm tra:

Địa điểm kiểm tra:

I. Thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá:

1. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ:

- Đơn vị quản lý chuyên môn:

.....

.....

- Đơn vị quản lý kinh phí (nếu có):

.....

.....

2. Đại diện Cơ quan đặt hàng:

.....

.....

3. Thành phần khác:

.....

.....

II. Đại diện Tổ chức chủ trì:

Lãnh đạo:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Các thành viên tham gia:

.....

.....

.....

III. Tài liệu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ chuẩn bị cho kiểm tra, đánh giá:

1. Báo cáo tiến độ thực hiện

2. Báo cáo sản phẩm hoàn thành.

3. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí.

IV. Nội dung kiểm tra, đánh giá:

1. Về nội dung và tiến độ thực hiện (nội dung và các sản phẩm):

- Nội dung, sản phẩm đã hoàn thành theo Báo cáo của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ (so sánh với tiến độ đã ghi trong Thuyết minh nhiệm vụ).

- Xem xét những nội dung đã thực hiện đối với các sản phẩm chưa hoàn thành

.....

2. Về sử dụng kinh phí:

- Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đến thời điểm kiểm tra

+ Số kinh phí được cấp từ ngân sách sự nghiệp khoa học đến ngày báo cáo/tổng kinh phí được cấp

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng, quyết toán tương ứng nội dung công việc:.....

.....

+ Số kinh phí từ Ngân sách đã sử dụng nhưng chưa quyết toán (tạm ứng):.....

.....

+ Số kinh phí đã sử dụng từ nguồn khác:

+ Kinh phí đề nghị chuyển sang năm sau (nếu có):

- Tình hình mua sắm, sử dụng trang thiết bị phục vụ nghiên cứu của nhiệm vụ (nếu có)

.....

.....

- Kiểm tra chứng từ, xác nhận kinh phí thực chi và quyết toán (sẽ được kiểm tra và xác nhận cụ thể sau)

V. Các ý kiến trao đổi giữa thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Các ý kiến của thành viên đoàn kiểm tra, đánh giá:

.....

2. Ý kiến giải trình và kiến nghị của Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia thực hiện

.....

VI. Kết luận của đoàn kiểm tra, đánh giá

1- Về nội dung và tiến độ thực hiện:

.....

2- Các sản phẩm đã hoàn thành (ở thời điểm kiểm tra, đánh giá):

.....

.....

.....

.....

.....

3- Về sử dụng kinh phí.

.....

.....

.....

.....

.....

4- Đề nghị đối với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản này được làm thành ... Bản: Sở KH&CN giữ bản, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ giữ bản.

Đại diện
Tổ chức chủ trì
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng đoàn
(Họ tên và chữ ký)

Phó trưởng đoàn
(Họ tên và chữ ký)

Thành viên
(Họ tên và chữ ký)

Thành viên
(Họ tên và chữ ký)

Thành viên
(Họ tên và chữ ký)